

**SỞ Y TẾ THANH HOÁ
BỆNH VIỆN UNG BƯỚU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **281** /TB-BVUB
V/v thông báo danh mục hàng hoá thông
qua xét chọn hồ sơ cung ứng tại Nhà
thuốc bệnh viện năm 2025.

Thanh Hoá, ngày **06** tháng **3** năm 2025

Kính gửi: Nhà cung cấp có hàng hoá đánh giá thông qua xét chọn

Căn cứ Biên bản họp số 04/BVUB-HĐT&ĐT ngày 28/02/2025 của Hội đồng Thuốc và điều trị về việc thông qua danh mục thuốc được xét chọn tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2025;

Căn cứ Biên bản họp số 04/BVUB-HĐKH ngày 28/02/2025 của Hội đồng Khoa học bệnh viện về việc thông qua danh mục vật tư y tế được xét chọn tại Nhà thuốc bệnh viện năm 2025;

Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá thông báo tới các Nhà cung cấp có hàng hoá được đánh giá thông qua xét chọn.

(Có danh mục Nhà cung cấp và danh mục hàng hoá kèm theo)

Đề nghị các nhà cung cấp tiến hành hoàn thiện ký kết hợp đồng với Bệnh viện Ung bướu tỉnh Thanh Hoá và thực hiện việc cung ứng hàng hoá thông qua xét chọn theo đúng quy định.

Thời gian áp dụng kết quả xét chọn: đến hết 31/12/2025.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Khoa Dược - VTYT; VT.



Trần Văn Thiết

PHỤ LỤC 1. DANH SÁCH NHÀ CUNG CẤP

(Kèm theo Thông báo số 281/TB-BVUB ngày 06 / 3 /2025 của Bệnh viện
Ứng Bướu tỉnh Thanh Hoá)

STT	Nhà cung cấp	Số lượng hàng hoá		
		Thuốc	Vật tư y tế	Tổng
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội	15		15
2	Công ty cổ phần dược phẩm Kim Tinh	1		1
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ THANH HÓA	4		4
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH	4		4
5	Công ty cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế SD Việt Nam	15		15
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT& PT Y TẾ VIỆT ANH SM	19		19
7	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM	7		7
8	Công ty CP Thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá	2	28	30
9	Công ty cổ phần Y tế Phúc Hưng	1		1
10	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ TÂN HOÀNG	1		1
11	Công ty CP dược phẩm Sviet	21	3	24
12	Công ty CP Dược VTYT Việt Nam - Asean	4		4
13	Công ty TNHH Bình Việt Đức	1		1
14	Công ty TNHH Công Nghệ Dược Phẩm Quang Anh	4		4
15	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Phát	1		1
16	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Hải	2		2
17	Công ty TNHH Dược phẩm Lavico	2		2
18	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM	2		2
19	Công ty TNHH Dược Phẩm và Hóa Chất Nam Linh	1		1
20	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VTYT ĐỨC KHÁNH	12		12
21	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trọng Tín	4	1	5

STT	Nhà cung cấp	Số lượng hàng hoá		
		Thuốc	Vật tư y tế	Tổng
22	Công Ty TNHH Nhật Phong TH	8		8
23	Công ty TNHH Phát triển quốc tế Đại Dương	3		3
24	Công ty TNHH Phân Phối Liên Kết Quốc Tế	1		1
25	Công ty TNHH TM Dược Phẩm Phú Gia	1		1
26	Công ty TNHH Thiết bị y tế và Dược phẩm An Phúc	2		2
27	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Lam Sơn	9		9
28	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AMC VIỆT NAM		1	1
29	CÔNG TY CỔ PHẦN EYE		7	7
30	Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ IPS		1	1
31	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Đại Dương		1	1
32	Công ty CP Vật tư và Thiết bị Y tế Hà Nội		2	2
33	Công ty TNHH Thiết Bị và Công nghệ Tân Đại Thành		3	3
34	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Viễn Tây		22	22
35	Công ty TNHH Y tế ATC		7	7
	Tổng số: 35 Nhà cung cấp	147	76	223

PHỤ LỤC 2. DANH MỤC HÀNG HOÁ

1. DANH MỤC THUỐC

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
1	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội									
1	Levobupi-BFS 50 mg	Levobupivacain (dưới dạng Levobupivacain Hydroclorid)	50mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch tiêm	Lọ	36	893114880224 (VD-28877-18)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	84.000
2	Sugam-BFS	Sugammadex (dưới dạng sugammadex natri)	100mg/ml	Nhóm 4	Dung dịch tiêm	Ống	30	VD-34671-20	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	1.575.000
3	Gabasol	Gabapentin	300mg/ 6ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	24	893110204224 (VD-28875-18)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	5.000
4	Fogyma	Sắt nguyên tố (dưới dạng Sắt (III) Hydroxyd polymaltose)	50mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	893100105624 (VD-22658-15)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội - Việt Nam	7.500
5	Nimovaso sol	Nimodipin	30mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	24	893110346423 (VD-26126-17)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	15.750
6	BFS-Grani (không chất bảo quản)	Granisetron (dưới dạng Granisetron hydroclorid)	1 mg/ 1 ml	Nhóm 4	Dung dịch tiêm	Lọ	24	893110879524 (VD-26122-17)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	38.400
7	Nausazy 4mg	Ondansetron (dưới dạng Ondansetron hydroclorid dihydrat)	4mg/5ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	24	893110151424	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	14.700
8	Companity	Lactulose	670mg/ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	893100151224	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	3.300
9	Golistin soda	Monobasic natri phosphat; Dibasic natri phosphat	(417mg + 95mg)/1ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Lọ	36	VD-34931-21	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	44.000
10	Golistin-enema	Monobasic natri phosphat +Dibasic natri phosphat	(21,41g +7,89g)/ 133ml	Nhóm 4	Dung dịch thụt trực tràng	Lọ	60	893100265500 (VD-25147-16)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	51.975

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
11	Hepaphagen 10-BFS	Glycyrrhizin (dưới dạng Glycyrrhizinate ammonium) + Glycin + L-cystein hydrochlorid (dưới dạng L-cystein hydrochlorid monohydrat)	(20mg+200mg+10mg)/10ml	Nhóm 5	Dung dịch tiêm	Lọ	24	893110266000 (VD-30321-18)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	48.000
12	Progermila	Bacillus Clausii	2x10 ⁹ CFU/5ml	Nhóm 4	Hỗn dịch uống	Ống	36	893400090623	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	5.460
13	Dismolan	N-acetylcystein	200mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	24	VD-21505-14	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	3.675
14	Zenace	Acetylcystein	1000mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch dùng cho khí dung	Ống	36	893110592024 (VD-28884-18)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	12.600
15	Trainfu	Sắt (II) clorid tetrahydrat+ Kẽm clorid + Mangan (II) clorid tetrahydrat + Đồng (II) clorid dihydrat+ Crom (III) Clorid hexahydrat + Natri molybdat dihydrat+ Natri selenit pentahydrat + Natri fluorid + Kali iodid	(6,958 mg+6,815 mg+ 1,979mg+ 2,046 mg+0,053 mg+ 0,0242 mg + 0,0789 mg+ 1,260 mg+0,166 mg)/10ml	Nhóm 4	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Lọ	24	893110334824 (VD-30325-18)	Công ty cổ phần dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	29.400
Tổng số: 15 mặt hàng										
2	Công ty cổ phần dược phẩm Kim Tinh									
1	Hepa-Merz	L-Ornithin L- aspartat	5g/10ml	Nhóm 1	Dung dịch đậm đặc pha tiêm truyền	Ống	36	400110069923	B.Braun Melsungen AG (Cơ sở xuất xưởng: Merz Pharma GmbH & Co.KGaA), Đức	125.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
	Tổng số: 01 mặt hàng									
3	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM TRƯỜNG THỌ THANH HÓA									
1	Gluthion	Glutathion	600mg	Nhóm 1	Thuốc bột pha tiêm	lọ	36	800110423323	Laboratorio Italiano Biochimico Farmaceutico Lisapharma S.p.A (CSXX: Laboratorio Farmaceutico C.T.S.R.L); ITALY	163.600
2	Hepasyzin	Cardus marianus(tương đương 140mg Silymarin+60mg Silybin)+ Thiamine nitrate+ Pyridoxine hydrochlorid+ Nicotinamide+ Calcium Pantothenate+Cyanocobal amin	200mg + 4mg + 4mg + 12mg + 8mg + 1,2mcg	Nhóm 2	Viên nang mềm	Viên	24	VN- 22078-19	Withus Pharmaceutical Co.,ltd - Hàn Quốc	9.500
3	MG TAN INJ. BAG 1680 ml	Acid amin + glucose + lipid (*)	Amino acids 11,3% + Glucose 11% + Lipid Emulsion 20%. 1680ml	Nhóm 2	Dung dịch tiêm truyền	Túi	24	880110791524(V N-21331-18)	Y's medi Co., Ltd. Hàn Quốc	1.032.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
4	MG TAN INJ. BAG 1920 ml	Acid amin + glucose + lipid (*)	Amino acids 11,3% + Glucose 11% + Lipid Emulsion 20%. 1920ml	Nhóm 2	Dung dịch tiêm truyền	Túi	24	880110135624(V N-21333-18)	Y's medi Co., Ltd. Hàn Quốc	1.180.000
Tổng Số: 4 mặt hàng										
4	CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM VÀ THIẾT BỊ Y TẾ BÁCH LINH									
1	Roticox 60 mg film-coated tablets	Etoricoxib	60mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	36	383110131124 (VN-21717-19) (Công văn gia hạn số 136/QĐ-QLD ngày 29/02/2024)	KRKA, D.D., Novo Mesto, Slovenia	13.000
2	Santafer	Sắt nguyên tố (dưới dạng sắt III hydroxide Polymaltose Complex)	10mg/ml, chai 150ml	Nhóm 2	Siro	Chai	24	868100787024 (VN-15773-12) (Công văn gia hạn số 593/QĐ-QLD ngày 12/8/2024)	Santa Farma Ilac Sanayii A.S., Turkey	195.000
3	Medoome 40mg Gastro-resistant capsules	Omeprazole	40mg	Nhóm 1	Viên nang chứa pellet kháng acid dịch vị	Viên	36	383110781824 (VN-22239-19) (Công văn gia hạn số 593/QĐ-QLD ngày 12/8/2024)	KRKA, D.D., Novo Mesto, Slovenia	5.775

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
4	Amino XL	Alanine, Serine, Glycine, Threonine, Phenylalanine, Glutamine, Leucine, Valine, Lysine hydrochloride, Aspartic acid, Tyrosine, Isoleucine, Cystein hydrochloride, Histidine hydrochloride, Proline	21mg, 35mg, 21mg, 28mg, 35mg, 140mg, 60,2mg, 42mg, 54,95mg, 43,4mg, 37,45mg, 35mg, 7mg, 28mg, 112mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	36	930100136023	Contract Manufacturing and Packaging Services Pty Ltd, Australia	20.150
Tổng Số: 4 mặt hàng										
5	Công ty cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế SD Việt Nam									
1	Vinluta 1200	Glutathion	1200mg	Nhóm 4	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	36	VD-29909-18	Công ty cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc	195.000
2	Iba-Mentin 1000mg/62,5mg	Amoxicilin + acid clavulanic	1000mg + 62.5mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	24	VD-28065-17	Công ty Cổ phần Dược Phẩm Trung Ương 1 - Pharbaco	15.750
3	Zelfamox 875/125 DT.	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat) + Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	875mg + 125mg	Nhóm 4	Viên nén phân tán	Viên	24	VD-29863-18	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - pharbaco	16.000
4	Midatiam 0,5g (Doripenem 0.5g)	Doripenem	0,5g	Nhóm 4	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	36	893110667924 (VD-25720-16)	Công ty cổ phần Dược phẩm Minh Dân	615.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
5	Cepemid 1,5g	Imipenem + cilastatin*	0,75g + 0,75g	Nhóm 4	Bột pha tiêm	Lọ	36	VD-21658-14 (QĐ gia hạn số: 62 /QĐ-QLD ngày 8/02/2023 được gia hạn đến 31/12/2024)	Công ty cổ phần dược phẩm Minh Dân	190.000
6	Pemolip	Cefditoren (dưới dạng Cefditoren pivoxil)	400mg	Nhóm 3	Viên nén bao phim	Viên	36	893110087624	Công ty cổ phần tập đoàn Merap	52.500
7	Gastevin 30mg	Lansoprazol	30mg	Nhóm 1	Viên nang cứng	Viên	36	VN-18275-14 (QĐ gia hạn: 225/QĐ-QLD ngày 03/04/2023)	KRKA, d.d., Novo mesto	9.450
8	Zegecid 20	Omeprazol + Natri Bicarbonat	20mg + 1100mg	Nhóm 5	Viên nang	Viên	24	890110001524	Ajanta Pharma Limited, India	5.700
9	Myzozo	L-Ornithin L-aspartat	3g	Nhóm 2	Cốm pha dung dịch uống	Gói	24	893110226123	Nhà máy HDPHARMA EU – Công ty cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương, Việt Nam	38.000
10	Potenciator 5g	Arginine aspartat	5g/10mL	Nhóm 1	Dung dịch uống	Ống	36	840110431423	Faes Farma, S.A, Tây Ban Nha	17.800
11	Esserose 450	Phospholipid đậu nành	450mg	Nhóm 5	Viên nang mềm	Viên	24	VN-22016-19	Minskintercaps U.V	6.500
12	Combilipid MCT Peri injection	Acid amin + glucose + lipid	(8% 150ml + 16% 150ml + 20% 75ml)/375 ml	Nhóm 2	Nhũ tương tiêm truyền	Túi	24	880110997624 (VN-21297-18)	JW Life Science Corporation	560.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
13	Combilipid MCT Peri injection	Acid amin + glucose + lipid	11,3% + 11% + 20%; 1440ml	Nhóm 2	Nhũ tương tiêm truyền	Túi	24	880110443323 (VN-20531-17)	JW Life Science Corporation	850.000
14	Inestom	Levocarnitin	1g/10ml	Nhóm 1	Dung dịch uống	Chai	36	520100192023	Help S.A, Greece	49.980
15	Hanydu	L-Histidin hydroclorid hydrat; L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin hydroclorid; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin	216,2mg; 203,9mg; 320,3mg; 291mg; 320,3mg; 320,3mg; 145,7mg; 72,9mg; 233mg	Nhóm 4	Thuốc Cốm	Gói	36	839110745424	Công ty cổ phần Dược phẩm Trường Thọ, Việt Nam	15.000
Tổng Số: 15 mặt hàng										
6	CÔNG TY CỔ PHẦN ĐT& PT Y TẾ VIỆT ANH SM									
1	Anbaescin	Aescin	50mg	Nhóm 4	Viên nén	Viên	36	VD-35786-22	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH), Việt Nam	7.100
2	Codalgin Forte	Paracetamol; Codeine phosphate (dưới dạng codein phosphate hemihydrate)	500mg + 30mg	Nhóm 1	Viên nén	Viên	36	VN-22611-20	Aspen Pharma Pty Ltd. - Australia	3.390
3	BFS-Depara	Acetylcystein	2g	Nhóm 4	Dung dịch đậm đặc để pha tiêm truyền	Lọ	24	893110805024 (SĐK cũ: VD-32805-19)	Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội, Việt Nam	145.000
4	Vinluta 900	Glutathion	900mg	Nhóm 4	Bột đông khô pha tiêm	Lọ	36	893110339624 (SĐK cũ: VD-27156-17)	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc, Việt Nam	135.000
5	Imedoxim 200	Cefpodoxim	200mg	Nhóm 2	Viên nang cứng	Viên	24	893110023800 (SĐK cũ: VD-27892-17)	Chi nhánh 3 - Công ty Cổ phần Dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương, Việt Nam	9.500

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
6	Astode 2g	Cefpirom	2g	Nhóm 2	Bột pha tiêm/ truyền tĩnh mạch	Lọ	24	VN-22551-20	Swiss Parenterals Ltd., Ấn Độ	250.000
7	Levofloxacin IMP 750 mg/ 150 mL	Levofloxacin	750mg/150 ml	Nhóm 2	Dung dịch tiêm truyền	Chai	24	893115055523	Chi nhánh Công ty CPDP Imexpharm - Nhà máy Công nghệ cao Bình Dương, Việt Nam	155.000
8	Samnir 500mg	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Nhóm 2	Viên nén bao phim	Viên	24	868110014625 (SĐK cũ: VN-21708-19)	Nobel Ilac Sanayii ve Ticaret A.S.Thổ Nhĩ Kỳ	33.500
9	Heradrea	Hydroxyurea	200mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	36	893114064823	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera, Việt Nam	3.500
10	Heradrea	Hydroxyurea	300mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	36	893114120923	Công ty TNHH Sinh dược phẩm Hera, Việt Nam	3.800
11	Klevator 2.5mg Tablets	Methotrexat	2,5mg	Nhóm 1	Viên nén	Viên	36	640114769624	Orion Corporation - Phần Lan	6.250
12	Dutasvitae 0,5mg	Dutasterid	0,5mg	Nhóm 1	Viên nang mềm	Viên	24	VN-22876-21	Cyndeia Pharma, S.L, tây Ban Nha	16.800
13	Biticans	Rabeprazol natri	20mg	Nhóm 4	Thuốc bột đông khô pha tiêm	Lọ	24	VD-25327-16	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương 1 - Pharbaco., Việt Nam	58.600
14	Preclint	Dinatri phosphat dodecahydrat 240mg/ml; Mononatri phosphat dihydrat 542mg/ml	240 mg/ml+542 mg/ml; 45ml	Nhóm 1	Dung dịch uống	Chai	36	560110414723 (SĐK cũ: VN-20060-16)	Medinfar Manufacturing, S.A. Bồ Đào Nha	115.000
15	Anbaliv	Silymarin	400mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	36	893100263400 (SĐK cũ: VD-33988-20)	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông - (TNHH), Việt Nam	10.500
16	Darstin 10mg/g gel	Progesterone	10mg/g x 80g	Nhóm 1	Gel bôi ngoài da	Tuýp	36	840110349324	Seid, S.A - Spain	168.800

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
17	Bromhexine A.T	Bromhexin hydroclorid	8mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch Uống	Ống	24	893100210000 (SĐK cũ: VD-25652-16)	Công ty CP DP An Thiên, Việt Nam	3.800
18	Teaves	Thiamin mononitrat + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Riboflavin	4,85mg + 20mg + 2mg + 2mg	Nhóm 4	Thuốc cốm uống	Gói	36	893110074100 (SĐK cũ: VD-32549-19)	Công ty cổ phần dược phẩm Tipharco, Việt Nam	7.940
19	Abanuti	Levocarnitin	1g	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	893110876024 (SĐK cũ: VD-33353-19)	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH), Việt Nam	16.200
Tổng Số: 19 mặt hàng										
7	CÔNG TY CỔ PHẦN AMERIVER VIỆT NAM									
1	Zelfamox 500/125 DT.	Amoxicilin (dưới dạng Amoxicilin trihydrat); Sulbactam (dưới dạng Sulbactam pivoxil)	500mg; 125mg	Nhóm 4	Viên nén phân tán	Viên	24	893110271100 (VD-28683-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco, Việt Nam	10.794
2	Promaquin	Ciprofloxacin (dưới dạng Ciprofloxacin HCl)	500mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	36	VN-19568-16	Farmalabor-Produtos Farmacêuticos, S.A, Portugal	9.150
3	Grofex	Sắt protein succinylat (tương ứng với Fe (III) 40mg)	800mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	36	893100335824 (VD-26820-17)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Hà Tây, Việt Nam	15.000
4	Miklanso 60	Dexlansoprazol (dưới dạng Dexlansoprazol pellets 20% ww)	60mg	Nhóm 2	Viên nang cứng chứa pellets bao tan trong ruột	Viên	36	893110261624	Nhà máy HDPHARMA EU - Công ty Cổ phần Dược vật tư y tế Hải Dương, Việt Nam	21.000
5	Moxydar	Nhôm oxyd hydrat hóa; Magnesi hydroxyd; Nhôm phosphat hydrat hóa; Gôm guar	500mg; 500mg; 300mg; 200mg	Nhóm 1	Viên nén pha hỗn dịch uống	Viên	24	300100008124 (VN-17950-14)	Laboratoires Grimberg, France	8.000
6	Ulcersep	Bismuth subsalicylat	262,5mg	Nhóm 4	Viên nhai	Viên	36	893110056223	Công ty Cổ phần Dược phẩm OPV, Việt Nam	3.969

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
7	Elpertone	Erdosteine	300mg	Nhóm 2	Viên nang cứng	Viên	36	880110018724 (VN-20789-17)	Korea Prime Pharm. Co., Ltd., Korea	5.680
	Tổng Số: 7 mặt hàng									
8	Công ty CP Thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá									
1	Hipril-A Plus	Amlodipin (dưới dạng Amlodipin besilat) + Lisinopril	5mg + 10mg	Nhóm 3	Viên nén	Viên	36	VN-23236-22	Micro Labs Limited/ Ấn Độ	3.550
2	Atorpa 30	Atorvastatin	30mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	36	VD3-40-20	Công ty cổ phần dược Apimed/ Việt Nam	1.900
	Tổng Số: 2 mặt hàng									
9	Công ty cổ phần Y tế Phúc Hưng									
1	Ficocyte	Filgrastim	30MU/ 0,5ml	Nhóm 4	Dung dịch tiêm	Bơm tiêm	24	893410647524 (QLSP-1003-17; Gia hạn đến 31/7/2027)	Công ty Cổ phần Công nghệ sinh học Dược Nanogen, Việt Nam	330.000
	Tổng Số: 1 mặt hàng									
10	CÔNG TY CỔ PHẦN Y TẾ TÂN HOÀNG									
1	Combilipid Mct Peri Injection	Acid amin + glucose + lipid	11,3% + 11% + 20%; 384ml	Nhóm 2	Thuốc tiêm truyền	Túi	24	VN-20531-17	JW Life Science Corporation, Hàn Quốc	610.000
	Tổng Số: 1 mặt hàng									
11	Công ty CP dược phẩm Sviet									
1	Usaralphar 8400 UI	Alphachymotrypsin	8400UI	Nhóm 4	Thuốc bột	Gói	24	893110416824 VD-31820-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm Phong Phú/Việt Nam	8.000
2	SaviDrinate	Acid Alendronic (dưới dạng Alendronate Natri) + Cholecalciferol	70mg + 2800IU	Nhóm 2	Viên sủi bọt	Viên	36	893110417324 VD-28041-17	Công ty Cổ phần Dược phẩm Savi/Việt Nam	57.500
3	Mitiwind 500	Daptomycin	500mg	Nhóm 4	Thuốc tiêm đông khô	Lọ	24	893110945924	Công ty Cổ phần Dược phẩm Vĩnh Phúc/Việt Nam	1.580.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
4	Maxclary 250	Clarithromycin	250mg	Nhóm 3	Viên nén bao phim	Viên	36	VD-30516-18 893110169224	Công ty Cổ phần Dược phẩm TW1-Pharbaco/Việt Nam	7.470
5	Mimaxpro 500	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	500mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	36	VD-34723-20	Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam/Việt Nam	27.800
6	CTTZil 250	Cefprozil (dưới dạng Cefprozil monohydrat)	250mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	36	VD-34220-20	Công ty Cổ phần Liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam/Việt Nam	19.500
7	Mykuin	Metronidazole	500mg	Nhóm 5	Viên đạn đặt âm đạo	Viên	36	VN-23001-22	Ltd Farmaprim/Moldova	11.000
8	Uptiv	Nystatin + Di-iodohydroxyquin + Benzalkonium Chloride	100.000 IU + 100mg + 7mg	Nhóm 5	Viên nén đặt âm đạo	Viên	48	885110043125 VN-15350-12	T.Man Pharma Company Limited/Thái Lan	14.000
9	Minaxen 50	Minocycline hydrochloride	50mg	Nhóm 1	Viên nang cứng	Viên	36	529110175323	Delorbis Pharmaceuticals Ltd/Cyprus	19.500
10	Orfatate Tablet	Tiropamid hydroclorid	100mg	Nhóm 2	Viên nén bao phim	Viên	36	VN-22681-20	Korea Prime Pharm. Co., Ltd/Hàn Quốc	4.000
11	Zyptin	Alpha amylase + Papain + Simethicone	100mg + 100mg + 30mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	36	890100175523	SOTAC PHARMACEUTICALS PVT. LTD/Ấn Độ	5.800
12	Azintal	Azintamide + Pancreatin + Cellulase 4000 + Simethicon	75mg + 100mg + 10mg + 50mg	Nhóm 2	Viên nén bao đường	Viên	36	VN-22460-19	Il Yang Pharm Co., Ltd - Korea/Hàn Quốc	7.497
13	Royalcid	L-Isoleucine + L-Leucine + L-Valine	952 mg + 1904 mg + 1144 mg	Nhóm 4	Thuốc cốm	Gói	36	893110365724	Công ty Cổ phần liên doanh Dược phẩm Éloge France Việt Nam/Việt Nam	18.200
14	Notamcef	Piracetam	1200mg	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	24	893110930524 VD-33838-19	Công ty Liên doanh Meyer-BPC/Việt Nam	6.800



STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
15	Pregabakern 150mg	Pregabalin	150mg	Nhóm 1	Viên nang cứng	Viên	48	VN-22829-21	Kern Pharma S.L/Tây Ban Nha	18.000
16	Tenaspec	Cholin alfoscerat	800mg	Nhóm 4	Viên nang mềm	Viên	36	VD-22560-15	Công ty Cổ phần Dược TW Mediplantex/Việt Nam	24.000
17	Amburol 7.5	Ambroxol hydroclorid + Clenbuterol hydroclorid	(7,5mg + 0,005mg)/5 ml x 5ml	Nhóm 4	Sirô uống	Ống	24	893110292324	Công ty Liên doanh Meyer-BPC/Việt Nam	10.200
18	Polnye	Mỗi 200ml dung dịch chứa: L-Isoleucin; L-Leucin; L-Lysin acetat; L-Methionin; L-Phenylalanin; L-Threonin; L-Tryptophan; L-Valin; L-Alanin; L-Arginin (Dưới dạng L-Arginin hydroclorid); L-Aspartic acid; L-Glutamic acid; L-Histidin (dưới dạng L-Histidin hydroclorid monohydrat); L-Prolin; L-Serin; L-Tyrosin; Glycin	(6,1%; 200ml) 1500mg; 2000mg; 1400mg; 1000mg; 1000mg; 500mg; 500mg; 1500mg; 600mg; 600mg; 50mg; 50mg; 500mg; 400mg; 200mg; 100mg; 200mg	Nhóm 4	Dung dịch tiêm truyền	Chai	36	893110165623	Công ty TNHH Dược phẩm Allomed/Việt Nam	104.000
19	Boncium	Calcium Carbonat+ Vitamin D3 (Colecalciferol)	500mg + 250IU	Nhóm 2	Viên nén bao phim	Viên	36	VN-20172-16	Gracure Pharmaceuticals Ltd./Ấn Độ	3.700
20	Palkids	Mỗi ml chứa: Acid ascorbic; Calcium carbonat; Lysin HCl	72,4mg; 12,8mg; 28,33mg	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	VD-34074-20	Công ty Cổ phần Dược Apimed/Việt Nam	12.260
21	Atbynota	Coenzyme Q10 (Ubidecarenon)	30mg	Nhóm 4	Viên nang mềm	Viên	36	893100161223	Công ty Cổ phần Hóa dược Việt Nam/Việt Nam	4.390
	Tổng Số: 21 mặt hàng									
12	Công ty CP Dược VTYT Việt Nam - Asean									

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
1	Thiaject	Glutathion	900mg	Nhóm 4	Thuốc bột pha tiêm	Chai/L q/Ống/ Túi	24	893110209424	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco, Việt Nam	130.000
2	Blizadon 200	Fluconazol	200mg	Nhóm 4	Thuốc tiêm	Chai/L q/Ống/ Túi/Gói	24	VD-34993-21	Công ty cổ phần dược phẩm Am Vi, Việt Nam	130.000
3	Fudophar 800mg	Arginin hydroclorid	800mg	Nhóm 4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/L q/Ống	36	VD-29077-18	Công ty cổ phần dược phẩm Phương Đông, Việt Nam	6.900
4	Combilipid MCT Peri Injection	Acid amin + glucose + lipid	11,3% + 11% + 20%; 1920ml	Nhóm 2	Thuốc tiêm truyền	Chai/L q/Ống/ Túi/Gói	24	880110443323	JW Life Science Corporation,	1.240.000
Tổng Số: 4 mặt hàng										
13	Công ty TNHH Bình Việt Đức									
1	Albunorm 20%	Human Albumin	10g/50ml	Nhóm 1	Thuốc tiêm/ Thuốc tiêm truyền	Lọ	36	400410646324 (QLSP-1129-18)	Octapharma Produktionsgesellschaft Deutschland mbH - Germany	849.000
Tổng Số: 1 mặt hàng										
14	Công ty TNHH Công Nghệ Dược Phẩm Quang Anh									
1	Virclath	Clarithromycin	500mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	36	840110786724 (VN-21003-18)	Industria Quimica Y Farmaceutica VIR, S.A. - Spain	16.150
2	Cefriven 50	Mỗi gói 0,5g chứa: Cefditoren (dưới dạng Cefditoren Pivoxil)	50mg	Nhóm 4	Cốm pha hỗn dịch uống	Gói	30	VD-33587-19	Công ty CPDP Trung ương I - Pharbaco Việt Nam	11.900
3	Pharnomax	L-ornithine L-aspartate	200mg	Nhóm 4	Viên nang mềm	Viên	30	893110197124 (VD-29803-18)	Công ty cổ phần dược phẩm Nam Hà - Việt Nam	2.800

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
4	Meyer Vita DC	Calci (dưới dạng tricalci phosphat) + Vitamin D3	300mg + 800IU	Nhóm 4	Cốm pha hỗn dịch uống	Gói	36	VD-34416-20	Công ty liên doanh Meyer-BPC - Việt Nam	14.000
	Tổng Số: 4 mặt hàng									
15	Công ty TNHH Dược phẩm Anh Phát									
1	Atirin suspension	Mỗi 5 ml chứa: Ebastin 5 mg	5mg/5ml	Nhóm 4	Hỗn dịch uống	Ống	24	893110288400 VD-34136-20	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm An Thiên-Việt Nam	4.990
	Tổng Số: 1 mặt hàng									
16	Công ty TNHH Dược phẩm Hoàng Hải									
1	Treeton	Acid thioctic	600mg/ 20ml	Nhóm 2	Dung dịch tiêm truyền	Lọ	24	VN-22548-20	JSC "Farmak", Ukraine	190.000
2	Anbaluti	Levocarnitin	330mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim.	Viên	36	893110876124 (VD-33355-19)	Công ty Dược phẩm và thương mại Phương Đông (TNHH), Việt Nam	11.500
	Tổng Số: 2 mặt hàng									
17	Công ty TNHH Dược phẩm Lavico									
1	Seazimin	Omega-3-acid ethyl esters	1000mg	Nhóm 4	Viên nang mềm	Viên	36	VD-35750-22	Công ty CP Dược Trung Ương Mediplantex; Việt Nam	18.000
2	Lysoelf	L-Arginine HCl + Thiamine HCl + Pyridoxine HCl	250mg + 100mg + 20mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	24	893100459723	Công ty TNHH DRP Inter; Việt Nam	5.380
	Tổng Số: 2 mặt hàng									
18	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM U.N.I VIỆT NAM									
1	Algotra 37,5mg/ 325mg	Paracetamol + Tramadol hydrochlorid	325mg + 37,5mg	Nhóm 1	Viên nén sủi	Viên	18	VN-20977-18 (gia hạn đến 31/12/2024)	- Cơ sở sản xuất bán thành phẩm Paracetamol-Povidone (Compap PVP3): Mallinckrodt Inc-Mỹ - Cơ sở sản xuất: S.M.B Technology SA-Bỉ - Belgium (Bỉ)	8.820

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
2	Asstrozol	Anastrozol	1mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	36	VN2-542-17 (840114088223) (gia hạn đến 28/04/2028)	Synthon Hispania, SL - Tây Ban Nha	7.300
Tổng Số: 2 mặt hàng										
19	Công ty TNHH Dược Phẩm và Hóa Chất Nam Linh									
1	Pecabine 500mg	Capecitabin	500mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	30	840114035023	Laboratorios Normon, S.A. - Tây Ban Nha	18.900
Tổng Số: 1 mặt hàng										
20	CÔNG TY TNHH DƯỢC PHẨM VÀ VITYT ĐỨC KHÁNH									
1	Atmecin	Aescin	40mg	Nhóm 4	Viên nén bao tan trong ruột	viên	36	VD-35093-21	Công ty CP Dược VITYT Hà Nam, Việt Nam	5.960
2	Vinsinat 10mg	Aescinat natri 10mg/5ml	Aescin 10mg/5ml	Nhóm 4	Lọ	Ống	36	VD-36171-22	Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc	84.000
3	Niflad es	Amoxicilin+ Acid clavulanic	600mg+ 42,9mg	Nhóm 2	Viên nén phân tán	Viên	24	VD-33455-19	Chi nhánh công ty CP Dược phẩm Imexpharm Nhà máy kháng sinh công nghệ cao Vĩnh Lộc, Việt Nam	12.998
4	Fumagate	Magnesi hydroxyd; Nhôm Hydroxyd ; Simethicon	800 mg; 400 mg; 80 mg	Nhóm 4	Dung dịch/hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Gói	36	893100312500 (VD-24839-16)	Công ty Cổ Phần Dược Phẩm Phương Đông	3.250
5	Vinhepa 1g	L- Ornithin L- Aspartat	1000mg/5 ml	Nhóm 4	Dung dịch	Ống	36	893110112623	Công ty cổ phần dược phẩm Vĩnh Phúc - Việt Nam	25.000
6	Livosil 140mg	Silymarin 140mg	140mg	Nhóm 1	viên nang cứng	Viên	36	477200005924 (VN-18215-14)	UAB "Aconintum"	6.500
7	Injectam - S2g	Piracetam 2g/10ml	2g/10ml	Nhóm 4	Dung dịch tiêm	Ống	36	VD-18360-13	Công ty cổ phần dược phẩm Trung ương I - Pharbaco - Việt Nam	14.990

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
8	A.T Calci plus	Calci glucoheptonat+ Calci gluconat (700mg+ 300mg)/10ml	(700mg+ 300mg)/10 ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	893100100924 (VD-24130-16)	Nhà máy sản xuất Dược phẩm An Thiên, Việt Nam	4.600
9	Alphavimin	Mỗi 5ml chứa: Lysin hydrochlorid 100mg ; Thiamin hydrochlorid (Vitamin B1) 1mg ; Riboflavin sodium phosphat (Vitamin B2) 1,15mg ; Pyridoxin hydrochlorid (Vitamin B6) 2mg ; Cholecalciferol (Vitamin D3) 133,35IU ; D,L-alpha-Tocopheryl acetat (Vitamin E) 5mg ; Nicotinamid (Vitamin PP) 6,65mg ; Dexpantenol 3,35mg ; Calci (dưới dạng Calci lactat pentahydrat) 43,35mg	100mg , 1mg , 1,15mg , 2mg , 133,35IU , 5mg , 6,65mg , 3,35mg , 43,35mg	Nhóm 4	Siro	Ống	36	VD-33138-19	Công ty cổ phần Dược Hà Tĩnh, Việt Nam	12.000
10	Greenpam Hard capsule	Thymomodulin 80mg	80mg	Nhóm 2	viên nang cứng	Viên	36	QLSP-1155-19	Medica Korea Co., Ltd	6.300
11	Thytodux 60mg/10ml (Thymomodulin)	Thymomodulin 60mg/10ml	60mg/10ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	VD-12939-10	Công ty cổ phần Dược phẩm TW3	19.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
12	Ketovin	Calci-2- oxo-3-phenylpropionat; Calci-3-methyl-2-oxobutytrat; Calci-3-methyl-2-oxovalerat; Calci-4-methyl-2-oxovalerat; Calci-DL-2-hydroxy-4-methylthiobutytrat; L-histidin; L-lysin acetat; L-tyrosin; L-threonin; L-tryptophan	68mg; 86mg; 67mg; 101mg; 59mg; 38mg; 105mg; 30mg; 53mg; 23mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	24	893110282124	Công ty CP Dược phẩm Vĩnh Phúc	8.980
Tổng Số: 12 mặt hàng										
21	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trọng Tín									
1	Bart	Tenoxicam	20mg	Nhóm 1	Viên nén bao phim	Viên	36	VN-21793-19	Special Product's Line, Ý	7.400
2	A.T Fexofenadin	Fexofenadin HCl	30mg/5ml	Nhóm 4	Hỗn dịch uống	Chai	24	VD-29684-18	Công ty CPDP An Thiên, Việt Nam	134.000
3	Silymax Complex	Silymarin, Cao khô điệp hạ châu , Cao khô Ngũ Vị Tử , Cao khô nhân trần	70mg, 200mg, 25mg, 25mg	Nhóm 3	Viên nang	Viên	36	VD- 32966-19	Mediplantex, Việt Nam	6.000
4	Ambroxol -H	Ambroxol hydroclorid	30mg/5ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Chai	24	VD-30742-18	Công ty CP dược phẩm TW2, Việt Nam	64.995
Tổng Số: 4 mặt hàng										
22	Công Ty TNHH Nhật Phong TH									
1	Zynadex 40mg	Aescin	40mg	Nhóm 2	Viên nén bao phim	Viên	36	893110568624 (SĐK cũ: VD-33897-19)	Công ty liên doanh Meyer-BPC , Việt Nam	8.460
2	Glumidtab 600	Glutathion (dưới dạng bột đông khô Glutathion natri)	600 mg	Nhóm 4	Thuốc bột pha tiêm	Ống	24	893110680824 (VD-30546-18)	Công ty cổ phần Dược phẩm Trung ương I - Pharbaco	92.000
3	Phabarone 1200	Glutathion	1200mg	Nhóm 4	Thuốc bột pha tiêm	Lọ	24	VD-35945-22	Công ty cổ phần dược phẩm Trung Ương I - Pharbaco, Việt Nam	188.000

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
4	Prokizil	Cefprozil	250mg	Nhóm 2	Thuốc bột pha hỗn dịch uống	Gói	24	'893110127523	Chi nhánh 3 - Công ty cổ phần dược phẩm Imexpharm tại Bình Dương - Việt Nam	26.000
5	Authisix	Calcium Carbonat + Vitarnin D3	1500mg; 0,01mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	36	VD-34410-20	Công ty liên doanh Meyer-BPC	3.900
6	Antikans	Thymomodulin	80mg	Nhóm 4	viên nang cứng	Viên	36	QLSP-976-16	Công ty TNHH MTV 120 Armephac	4.500
7	Citropholi	Cao Vân chi (1:4) 250mg (tương đương Năm Vân chi 1000mg)	Cao Vân chi (1:4) 250mg (tương đương Năm Vân chi 1000mg)	Nhóm 3	Viên nang cứng	Viên	36	VD-31433-19	Chi nhánh Công ty TNHH Dược phẩm Dược liệu Mộc Hoa Trâm - Việt Nam	14.000
8	Dưỡng tâm an thần Vinaplant	Đan sâm; huyền sâm; đương quy; Viễn chí; toan táo nhân; bá tử nhân; bạch linh; đảng sâm; cát cánh; ngũ vị tử; mạch môn, chu sa; thiên môn đông; sinh địa	0,07g; 0,07g; 0,28g;0,07g; 0,28g;0,07g; 0,07g;0,07g; 0,07g;0,14g; 0,28g; 28mg; 0,28g;0,56g.	Nhóm 3	Viên hoàn cứng	Gói	36	VD-32881-19	Công ty cổ phần dược phẩm Thành Phát - Việt Nam	10.500
Tổng Số: 8 mặt hàng										
23	Công ty TNHH Phát triển quốc tế Đại Dương									
1	Usaralphar 4200 UI	Alpha chymotrypsin : 4200 UI	Mỗi gói 1g chứa : 4200 UI	Nhóm 4	Thuốc bột	Gói	24	893110416724 (SĐK cũ: VD-31819-19)	Công ty CPDP Phong phú, Việt Nam	3.840

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
2	Zedcal op tablets	Calci (dưới dạng Calci carbonat) 250mg; Calcitriol 0,25mcg; Kẽm (dưới dạng Kẽm sulfat monohydrat) 7,5mg	250mg; 0,25mcg; 7,5mg	Nhóm 5	Viên nén bao phim	Viên	30	VN-19272-15	Meyer Organics Pvt., Ltd. India	4.600
3	B-Coenzyme	Vitamin B6, Vitamin PP, Vitamin B5, Vitamin B1, Vitamin B2	10 mg, 50 mg, 25mg, 15 mg, 15 mg	Nhóm 4	Viên nén bao đường	Viên	24	893100271400 (SĐK cũ: VD-33617-19)	Công ty CPDP TV.Pharm, Việt Nam	4.300
Tổng Số: 3 mặt hàng										
24	Công ty TNHH Phân Phối Liên Kết Quốc Tế									
1	Cratsuca Suspension "Standard"	Sucralfat	1g/ 10ml	Nhóm 2	Hỗn dịch uống	Gói	36	VN-22473-19	Standard Chem. & Pharm. Co., Ltd - Đài Loan	5.000
Tổng Số: 1 mặt hàng										
25	Công ty TNHH TM Dược Phẩm Phú Gia									
1	A.T Sodium Phosphates	Monobasic natri phosphate + Dibasic natri phosphate	(43,2g +16,2g)/90 ml Chai 90ml	Nhóm 4	Dung dịch uống	Chai	36	VD-33397-19	Công ty Cổ phần Dược phẩm An Thiên - Việt Nam	88.000
Tổng Số: 1 mặt hàng										
26	Công ty TNHH Thiết bị y tế và Dược phẩm An Phúc									
1	Propofol - Lipuro 0,5% (5mg/ml)	Propofol	5mg/ml; 20ml	Nhóm 1	Nhũ tương tiêm hoặc tiêm truyền	Ống	24	VN-22232-19 (gia hạn GĐKLH theo QĐ số 698/QĐ-QLD ngày 15/10/2024)	B.Braun Melsungen AG, Đức	93.554

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
2	Aminoplasma B.Braun 10% E	Acid amin	10%; 500ml	BDG	Dung dịch truyền tĩnh mạch	Chai	36	VN-18160-14 (gia hạn GĐKLH theo QĐ số 232/QĐ-QLD ngày 29/04/2022)	B.Braun Melsungen AG, Đức	157.500
Tổng Số: 2 mặt hàng										
27	Công ty TNHH thương mại dược phẩm Lam Sơn									
1	ANTARENE CODEIN	Ibuprofen + Codein	200mg + 30mg	Nhóm 1	Viên nén	Viên	36	VN-21380-18	Sophartex - Pháp	9.000
2	FOSFOMED 4G	Fosfomycin	4g	Nhóm 4	Thuốc bột pha tiêm	lọ	36	VD-34610-20	Công ty TNHH sản xuất Dược phẩm Medlac Pharma Italy-VN	219.000
3	SOLAMUP 30	Dexlansoprazol	30mg	Nhóm 4	viên nang cứng chứa pellet bao tan trong ruột	Viên	24	893110115224	Công ty Cổ phần Dược phẩm Wealpar; VN	15.590
4	PITAMDAMI	Piracetam; Vincamin	400mg; 20mg	Nhóm 4	Viên nang cứng	Viên	36	893110460823	Công ty Dược phẩm và Thương mại Phương Đông- (TNHH)	8.300
5	MINBROM	Mỗi ống 5ml: Bromhexin hydrochlorid 4mg; Guaifenesin 100mg;	4,0mg; 100mg	Nhóm 4	Dung dịch	ống	36	893100036024	Công ty cổ phần Dược phẩm Hà Tây	7.500

STT	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	Nhóm TCKT	Dạng bào chế	Đơn vị tính	Hạn dùng (tháng)	Số đăng ký/ Số GPNK	Cơ sở sản xuất, Nước sản xuất	Đơn giá
6	RIANAM	Acid amin 7,58%: (L-Isoleucin ; L-Leucine; L-Lysin acetat ; L-Methionin; L-Phenylalanin ; L-Threonin ; L-Tryptophan ; L-Valin; L-Alanin ; L-Arginin ; L-Aspartic acid ; L-Histidin ; L-Prolin; L-Serin ; L-Tyrosin; Glycin)	Mỗi 200ml dung dịch chứa: L-Isoleucin 1840mg; L-Leucin 1890mg; L-Lysin acetat 790mg; L-Methionin 88mg; L-Phenylalanin 60mg; L-Threonin 428mg; L-Tryptophan	Nhóm 4	Dung dịch thuốc tiêm truyền	Chai	36	893110224023	Công ty TNHH dược phẩm Allomed; VN	110.000
7	A.T CALCIUM CORT	Calciglucoheptonat; Vitamin C , Vitamin PP	1100mg; 100mg; 50mg	Nhóm 4	Dung dịch uống	Ống	36	VD-28849-18	Công ty cổ phần dược phẩm An Thiên	7.890
8	MULDINI	Thiamin hydroclorid + Riboflavin + Nicotinamid + Pyridoxin hydroclorid + Dexpanthenol	5 mg, 2 mg, 20 mg, 2 mg, 3 mg	Nhóm 4	Thuốc cốm	Gói	36	VD-33647-19	Công ty CPDP Nam Hà - VN	13.800
9	ANBA-QE	Ubidecarenon + Vitamin E	100mg; 12,31mg	Nhóm 4	Viên nén bao phim	Viên	36	VD-35621-22	Công ty dược phẩm và thương mại Phương Đông, Việt Nam	17.500
Tổng Số: 9 mặt hàng										

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SĐK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư Viễn Tây							
1	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mạch máu và mô mỏng, chiều dài 45mm	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 45mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mạch máu và mô mỏng, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 3mm - 2.5mm - 2mm; Khoảng đóng mô là 1.5mm - 0.88mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Băng ghim kèm lưỡi dao cắt	Số: 2300111ĐKLH/B YT-TB-CT ngày 07/03/2023	EGIA45AVM	06 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	5.490.000
2	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/dày, chiều dài 60mm	Băng ghim cắt khâu dùng cho mô nội soi ghim chất liệu titanium. Chiều dài băng ghim là 60mm. Băng ghim nội soi loại gấp góc dùng cho mô trung bình/ dày, 3 hàng ghim so le nhau chiều cao thay đổi mỗi bên với chiều cao ghim mở lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm - 3.5mm - 3mm; Khoảng đóng mô là 2.25mm - 1.5mm. Băng ghim có khả năng gấp góc 45 độ và 5 điểm gấp góc mỗi bên. Băng ghim kèm lưỡi dao cắt	Số: 2300111ĐKLH/B YT-TB-CT ngày 07/03/2023	EGIA60AMT	06 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	5.490.000
3	Băng ghim cắt khâu nối nội soi dùng cho mô trung bình/dày, chiều dài 45mm	Băng ghim khâu cắt nội soi dùng cho mô trung bình và dày công nghệ tristaple, chất liệu ghim Titanium, Băng ghim kèm lưỡi dao cắt, băng ghim có thể gấp góc 45 độ mỗi bên. Đặc tính: Chiều dài băng ghim 45 mm có 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao khác nhau, chiều cao ghim dập lần lượt từ ngoài vào trong là 4mm – 3,5mm – 3mm; khoảng đóng ghim là 2.25mm - 1.5mm.	Số: 2300111ĐKLH/B YT-TB-CT ngày 07/03/2023	EGIA45AMT	06 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	5.490.000
4	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa có 3 hàng ghim chiều cao thay đổi mỗi bên dùng cho mô mở chiều dài 80mm	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mở. Băng ghim màu tím dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm	Số: 2400577ĐKLH/B YT-HTTB ngày 08/05/2024	GIA80MTC	06 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	2.200.000
5	Băng ghim cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mở loại 80mm	Băng ghim cắt khâu nối thẳng mô mở công nghệ định hướng ghim dập. Chiều dài băng ghim là 80mm, 2 hàng ghim mỗi bên, chiều cao ghim khi mở là 3.8mm; Chiều cao ghim dập xuống là 1.5mm. Băng ghim kèm lưỡi dao cắt.	Số: 2300112ĐKLH/B YT-TB-CT ngày 07/03/2023	GIA8038L	06 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	1.500.000
6	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa nội soi	Dụng cụ cắt khâu nối đa năng, dùng trong phẫu thuật nội soi trực dài 16cm, tích hợp với tất cả các loại băng ghim cắt khâu nối nội soi tương thích. Có khả năng gấp góc 45 độ mỗi bên, với 05 điểm gấp góc mỗi bên. Dụng cụ cắt khâu nội soi, lắp được tất cả các băng ghim tương thích kích cỡ khác nhau.	Số: 2300111ĐKLH/B YT-TB-CT ngày 07/03/2023	EGIAUSTND	01 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	8.000.000
7	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mô mở, 3 hàng ghim	Dụng cụ cắt khâu tiêu hóa dùng cho mô mở. Dùng cho băng ghim màu tím dài 80mm, 3 hàng ghim mỗi bên chiều cao lần lượt từ trong ra ngoài là 3mm-3.5mm-4mm. Khoảng đóng ghim 1.5mm-2.25mm	Số: 2400577ĐKLH/B YT-HTTB ngày 08/05/2024	GIA80MTS	01 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	6.900.000
8	Dụng cụ khâu nối tiêu hóa dùng cho mô mở, chiều cao ghim dập 3.8mm	Dụng cụ khâu cắt nối thẳng dùng cho mô mở. Dùng với băng ghim mô mở cỡ 80mm, có chiều cao ghim 3.8mm. Chiều cao ghim đóng xuống 1.5mm Thiết kế có chốt an toàn giữ lưỡi dao trước và sau khi bắn. Tay cầm phủ cao su nhám có rãnh với nút tháo nhanh.	Số: 2300112ĐKLH/B YT-TB-CT ngày 07/03/2023	GIA8038S	01 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	5.600.000

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
9	Dụng cụ cắt khâu nối tròn 3 hàng ghim các cỡ	Dụng cụ khâu nối tròn chất liệu ghim titanium, dùng trong phẫu thuật nối ống tiêu hóa. Chiều dài thân dụng cụ: 22cm. Các cỡ đường kính tròn: 28mm, 31mm tương ứng với số lượng ghim là 39, 45. Chiều cao ghim từ trong ra ngoài: 3.0mm; 3.5mm; 4.0mm. Đầu đe thiết kế nghiêng dễ dàng tháo rời, dạng cúc áo.	Số: 17367NK/BYT-TB-CT ngày 27/01/2021	TRIEEA28MT, TRIEEA31MT	01 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	15.000.000
10	Dụng cụ cắt khâu nối tiêu hóa tự động tròn đường kính 25,28,31,33	Dụng cụ cắt khâu nối tròn chiều dài thân dụng cụ 22cm. 2 hàng ghim, chất liệu ghim titanium, đường kính các cỡ 25mm; 28mm; 31mm; 33mm. Số lượng ghim lần lượt là 22 ghim; 26 ghim; 30 ghim; 32 ghim. Chiều cao ghim khi mở là 3.5mm; 4.8mm Chiều cao ghim dập xuống là 1.5mm; 2mm. Kích thước ghim: chiều rộng lưng ghim 4.0mm, thân ghim hình hộp chữ nhật: 0.35mm x 0.24mm. Đầu đe được thiết kế dạng cúc áo dễ tháo rời.	Số: 2402379ĐKLH/BYT-HTTB ngày 30/08/2024	EEA2535; EEA2835; EEA25; EEA28; EEA31; EEA33	01 Cái/ Hộp	Covidien - Mỹ	Cái	9.600.000
11	Surgisleeve™ Wound Protector Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ cỡ 9-14cm	Miếng film chất liệu Polyurethane. Cấu tạo mềm dẻo với 2 vòng cao su trên dưới chất liệu Pellethane2363-90A và Pellethane2363-55D giúp túi co giãn linh hoạt và chắc chắn, kích thước 9 -14cm. Không latex, không DHP. Đạt tiêu chuẩn FDA , CE	Số: 2100540ĐKLH/BYT-TB-CT ngày 31/12/2021	WPLGR914	1 Cái/ Túi	NPA de Mexico S. de R.L. de C.V. - Mexico	Cái	3.645.000
12	Surgisleeve™ Wound Protector Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ cỡ 2,5-6cm	Miếng film chất liệu Polyurethane. Cấu tạo mềm dẻo với 2 vòng cao su trên dưới chất liệu Pellethane2363-80A và Pellethane2363-90A giúp túi co giãn linh hoạt và chắc chắn, kích thước 2.5 - 6cm. Không latex, không DHP. Đạt tiêu chuẩn FDA , CE	Số: 2100540ĐKLH/BYT-TB-CT ngày 31/12/2021	WPSM256	1 Cái/ Túi	NPA de Mexico S. de R.L. de C.V. - Mexico	Cái	1.540.000
13	Surgisleeve™ Wound Protector Dụng cụ bảo vệ thành vết mổ cỡ 5-9cm	Miếng film chất liệu Polyurethane. Cấu tạo mềm dẻo với 2 vòng cao su trên dưới chất liệu Pellethane2363-80A và Pellethane2363-55D giúp túi co giãn linh hoạt và chắc chắn, kích thước 5 - 9 cm. Không latex, không DHP. Đạt tiêu chuẩn FDA, CE	Số: 2100540ĐKLH/BYT-TB-CT ngày 31/12/2021	WPMD509	1 Cái/ Túi	NPA de Mexico S. de R.L. de C.V. - Mexico	Cái	2.245.000
14	Versaone™ Optical Trocar nhựa trong xâm nhập thành bụng 12mm	Trocar dùng trong phẫu thuật nội soi, có van khí. Chất liệu: Vó: chất liệu polyamide trong suốt, Polysorpren và silicon oil có đường vân cố định, hệ thống van chống xì khí .Nòng: chất liệu Polyamide trong suốt, Acrylonitrile-butadiene-styrene và Versaflex Thermoplastic Elastomer, đầu trong. Dài 100 mm, Đường kính trong: 12.95mm. Đường kính ngoài: 15.52mm. Đạt tiêu chuẩn FDA, CE	Số: 220001575/PCB B-BYT ngày 10/03/2022	ONB12STF	1 Cái/ Túi	Covidien - Dominica	Cái	2.000.000
15	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 3-0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 3-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Số: 2403955ĐKLH/BYT-HTTB ngày 03/12/2024	VP-522-X, VPF-522-X	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Dominica/ Mỹ	Sợi	133.000
16	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 4-0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 4-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 22mm và 17mm kim cong 1/2 và kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Số: 2403955ĐKLH/BYT-HTTB ngày 03/12/2024	VP-761-X, VP-581-X	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Dominica	Sợi	117.000

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
17	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 5-0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylen glycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 75cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm và 13mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Số: 2403955ĐKLH/B YT-HTTB ngày 03/12/2024	VP-556-X, VP-710-X	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Dominica	Sợi	130.000
18	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi Surgipro số 6-0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylen glycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 6-0, dài 75cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	Số: 2403955ĐKLH/B YT-HTTB ngày 03/12/2024	VPF-706-X, VP-706-X	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Dominica	Sợi	124.000
19	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 2-0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 2/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	Số: 2402853ĐKLH/B YT-HTTB ngày 22/10/2024	GL-123	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Mỹ	Sợi	71.000
20	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 4-0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 4/0, dài 75cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Đóng gói vô trùng	Số: 2402853ĐKLH/B YT-HTTB ngày 22/10/2024	UL-203	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Dominica	Sợi	82.400
21	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polysorb số 6-0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 6/0, dài 45cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 12mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	Số: 2402853ĐKLH/B YT-HTTB ngày 22/10/2024	UL-101	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Dominica	Sợi	118.600
22	Chỉ tan đơn sợi có gai không cần buộc VLOC	Chỉ tiêu thành phần copolymer của acid glycolic và trimethylene carbonate, có gai đầu tù, hướng gai một chiều, một đầu có vòng, không cần buộc, số 0, 2/0, 3/0, 4/0. Sợi chỉ dài từ 15cm-30cm. Kim tròn đầu nhọn, cong 1/2 vòng tròn, dài từ 17mm - 37mm. Thời gian giữ vết thương: 21 ngày. Thời gian tiêu hoàn toàn: 180 ngày. Đạt tiêu chuẩn FDA, CE.	Số: 2403476ĐKLH/B YT-HTTB ngày 14/11/2024	VLOCL0305, VLOCL0306, VLOCL0604, VLOCL0615, VLOCL0614, VLOCL0813	36 Sợi/ Hộp	Covidien - Mỹ	Sợi	850.000
Tổng số: 22 mặt hàng								
2	Công ty CP dược phẩm Sviat							
1	Dimiscon	Natri Alginat 200mg Acid Alginic 50mg Natri Bicarbonat 80mg Calci Carbonat 140mg - Cơ chế tác động: Dimiscon có chứa các thành phần tác động hiệp lực trong đường tiêu hoá. Alginate là một polysaccharide đặc biệt chiết xuất từ một số loài tảo. Khi chất xơ này đến dạ dày sẽ rất nhanh chuyển thành lớp gel nhớt và nhẹ, bao phủ và bảo vệ niêm mạc dạ dày. Công thức độc đáo chứa Natri Alginat, Acid Alginic và Bicarbonat cho phép sản phẩm có tác động nhanh hơn. Thêm vào đó lớp gel Alginate làm cho nhu động hướng lên của dạ dày khó khăn hơn, do đó làm giảm số cơn trào ngược	3396 PL- TTDV/17000002 7/PCBPL-BYT	01-VTYT/2B	Hộp 2 vi x 12 viên	S.I.I.T.S.R.L/ Italia	Viên	18.500

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
2	Nước súc miệng - hòng TH Xidin	Chlorhexidine gluconate (0,12%) Natri florua (0,05%) Cremophor RH40, Glycerin, Propylene glycon, Sucralose, Natri saccharin, Natri hydroxyd, Acid acetic, Menthol, Manitol, Natri Phosphate, Nước - Nước súc miệng, hòng THXidin là sản phẩm dùng để vệ sinh răng miệng, hỗ trợ kháng khuẩn, loại bỏ và ngăn ngừa mảng bám trên răng, thúc đẩy quá trình lành vết thương sau phẫu thuật hoặc điều trị nha khoa, hỗ trợ điều trị và ngăn ngừa viêm, nhiễm khuẩn ở hòng/miệng như: viêm hòng, viêm amidan, viêm lợi, viêm miệng. Kiểm soát loét miệng tái phát, kiểm soát viêm nhiễm nấm miệng candida do răng giả	190000004/PCB A-BN	THXIDIN	Hộp 1 chai 250ml	Nhà máy Dược phẩm DKPharma - Chi nhánh Bắc Ninh, Công ty Cổ phần Dược Khoa/Việt Nam	Hộp	115.855
3	Tamaracid liquid	Natri Alginat Canxi Carbonat Kali Bicarbonat Chiết xuất hạt me (Tamarindus indica). Hương vị gừng, tinh dầu gừng, hương vị hồi và vị sữa, Carbomer, Natrimethyl parahydroxybenzoat, sucralose, Nước - Hỗn dịch uống Tamaracid được dùng để phòng tránh và hỗ trợ cải thiện tình trạng trào ngược dạ dày - thực quản, tăng tiết acid dạ dày và hỗ trợ bảo vệ niêm mạc dạ dày, thực quản	306/20/17000003 5/PCBPL-BYT	A942619659	Hộp 14 gói hỗn dịch	S.I.I.T.S.r.L/ Italia	Gói	20.000
Tổng số: 03 mặt hàng								
3	Công ty TNHH MTV Dược Phẩm Trọng Tín							
1	Gel bôi vết thương hở - OKUSKIN 30g	Nước, Sodium Acrylate Copolymer, Elastin thủyphân, Vitamin E, Sodium hyaluronate, Panthenol.	20200415-ADJVINA/17000 0008/PCBPL-BYT	Okuskin	Tuýp 30g	Dr.Muller Pharma S.R.O; CH Séc	Tuýp	353.455
Tổng số: 01 mặt hàng								
4	CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ AMC VIỆT NAM							
1	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh 2in1 (kẹp liền)	Túi gồm 2 lớp: - Lớp bên trong: trong suốt, chứa chất thải, quan sát được hậu môn nhân tạo và dịch - Lớp bên ngoài: chất liệu vải không, mềm mỏng màu tối, không quan sát được bên trong. Có kẹp liền, có than hoạt tính để khử mùi. Kích thước túi: 15x28cm (± 5%), thể tích chứa 650ml (± 5%). Để dán có 2 vòng bám dính gồm: - Để hydrocolloid hoặc tương đương, tròn đường kính 9,5cm (± 5%), độ dày để 0,7-0,8mm, vòng cắt 15 - 60mm -Vòng dán bằng kép y tế bo ngoài viền 1cm (± 5%). Thời gian sử dụng 3 - 7 ngày.	190000730/PCB A-HN	1023TPF	Hộp 20 túi	Baohealth Medical Instrument co., Ltd - Trung Quốc	Túi	42.000
Tổng số: 01 mặt hàng								
5	CÔNG TY CỔ PHẦN EYE							

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Bộ dẫn lưu đa chức năng (đường mật, chọc dò áp xe, chọc dịch ổ bụng) phủ hydrophilic, có cánh bướm cố định, các cỡ	Ống (catheter) dẫn lưu đa chức năng (thận, đường mật, chọc dò áp xe, chọc dịch ổ bụng) có cổ định cánh bướm, làm bằng polyurethane tương thích nhiệt độ cơ thể, chống gây gập, có lớp phủ hydrophilic tương thích sinh học, không gây độc hại. - Loại đầu pigtail, có vạch đánh dấu, có nhiều lỗ dẫn lưu (6 lỗ cơ bản và các lỗ bên có thể thêm vào), có cân quang, một đầu có khóa luer-lock được đăng ký bản quyền Mỹ (US). Có thể được kết nối với thiết bị áp lực âm tối đa 0,4bar (300mmHg). - Kích thước: 6F, 7F, 8.5F, 10.2F, 12F, 14F, 16F tương thích dây dẫn từ 0.035"-0.038", tùy chọn chiều dài 25-30-40cm - Bao gồm: 1 ống dẫn lưu đa chức năng, 1 bộ duỗi thẳng, 1 trocar stylet đầu nhọn, 1 cannula gia cố bằng thép không gỉ (SUS), 1 cannula gia cố bằng Polycarbonate (PC), chỉ khâu khoá, nút khoá, vạch đánh dấu, chia khoá, cổ định cánh bướm. - Vô trùng bằng EO.	240002671/PCB B-HCM	Plxxxx-SLC(xx)F	1 Bộ	Sungwon Medical Co., Ltd. / Hàn Quốc	Bộ	1.680.000
2	Ống thông tiểu 2 nhánh	- Thông tiểu 2 nhánh chất liệu 100% silicone dùng trong y tế, có khả năng tương thích sinh học vượt trội. - Ống silicon trong suốt. Ống trong suốt có vạch cân quang màu xanh chạy dọc thân ống.. - Đầu tip chắc chắn và linh hoạt được thiết kế để hỗ trợ việc đưa ống vào dễ dàng hơn. - Trong túi có sẵn một nút đẩy ống thông (Spigot) làm bằng nhựa, được đóng gói và khử trùng riêng lẻ. - Ống thông tiểu có các kích cỡ sau: + Kích thước 6fr bóng 1-1,5ml dài 330mm + Kích thước 8fr bóng 2-3ml dài 330mm + Kích thước 10fr bóng 3-5ml dài 330mm hoặc 420mm + Size 12fr- 26Fr có bóng 5-10ml hoặc 20- 30ml dài 250mm hoặc 420mm. - Khuyến nghị sử dụng có thể ≥ 29 ngày trong cơ thể.	220001278/PCB B-HCM	1821-xxxx; 1822-xxxx; 1823-xxxx; 1824-xxxx; 1856-xxxx;	Hộp 10 ống	Fortune Medical Instrument Corp.- Đài Loan	Cái	125.000
3	Ống nuôi ăn truyền qua thành bụng	- Ống thông làm bằng silicone 100%, có bóng cố định ở đầu cuối dung tích 10ml. - Có đầu bôi trơn để dễ dàng đưa ống thông vào dạ dày - Ống có kích cỡ: tối thiểu từ 12 Fr đến 24Fr - Ống có 2 kênh, 01 kênh để bơm thức ăn có nắp đậy, 01 kênh có van một chiều để bơm nước vào bóng giúp cho việc cố định bên trong dạ dày. - Có miếng chặn để cố định ống thông, có chức năng khoá khi không bơm thức ăn - Đánh dấu chiều sâu từ sau bóng hơi 2-10 cm	2200000006/PCB B-ĐN	8000013478 8000013479 8000013480	Hộp 2 Cái	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic./ Việt Nam	Cái	1.800.000

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SĐK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
4	Bộ mở thông dạ dày qua da (intolife Peg Kit)	Bộ dụng cụ gồm có: - Bộ kim khâu cố định da và dạ dày, tổng chiều dài $\geq 230\text{mm}$, chiều dài làm việc $\geq 80\text{mm}$, kích thước kim khâu 18G hoặc 20G. - Bộ kim mở đường bao gồm: mũi kim an toàn có chụp bảo vệ, tự động chụp mũi kim lại. - Ống thông nuôi ăn dạ dày kiểu bóng chất liệu silicone, trên ống có vạch đánh dấu độ sâu, tấm cố định bên ngoài có thể khóa ống thông theo phương thẳng đứng hoặc theo phương nằm ngang, dung tích bóng $\geq 10\text{ml}$. - Kích thước: ống thông: có tối thiểu cỡ 18Fr hoặc 20Fr, chiều dài ống thông: $\geq 22\text{cm}$.	220000001/PCB B-DN	8000013161	Hộp 1 bộ	Công ty TNHH Việt Nam Create Medic./ Việt Nam	Bộ	4.800.000
5	Bộ dẫn lưu thận qua da có khóa, có trocar	Bộ dẫn lưu thận qua da bao gồm: - Ống thông dẫn lưu hình đuôi lợn (pigtail) vật liệu polyurethane - Có khóa, có 4-6 lỗ dẫn lưu, đầu pigtail có chỉ làm bằng vật liệu PP. - Kim Trocar: Chiều dài $30\text{cm} \pm 0.5\text{cm}$. Chất liệu thép không gỉ. - Kích cỡ ống thông: 6-7-8-9-10-12-14-18Fr. Chiều dài 22-30cm. Tương thích dây dẫn đường 0.035" hoặc 0.038". - Vỏ trùng bằng EO.	220002059/PCB B-HCM	540 01x	Hộp 1 bộ	Plasti-Med Plastik Medikal Urunler San. Ve Tic. Ltd. Sti./ Thổ Nhĩ Kỳ	Bộ	942.900
6	Buồng tiêm dưới da người lớn, trẻ em PAC II Low Profile	Buồng tiêm dưới da gồm 13 phụ kiện, thiết kế có cơ nối Ultra-Lock tích hợp vào đầu ra của buồng tiêm (cơ nối gắn sẵn trên buồng tiêm, tránh rút cơ nối trong khi đặt, giúp cố định catheter chắc chắn) * Buồng tiêm chất liệu Titanium kết hợp vỏ ngoài Polysulfone, trọng lượng nhẹ 4.8g, màng ngăn silicone, kích thước buồng: rộng (25mm) x cao (11.5mm), dung tích: 0,3ml * Catheter Polyurethane, 5.8Fr (ID=1.0mm; OD=1.9mm, thể tích mỗi 0.7ml) hoặc 7.8Fr (ID=1.6mm; OD=2.6mm; thể tích mỗi 1.5ml). Chiều dài 76cm * Đặc biệt có máng đặt ống thông loại cầm máu với van một chiều chống trào ngược (sheath nong an toàn 6Fr hoặc 8.5Fr) * Các Phụ kiện khác: Kim an toàn Gripper Plus 20G chuyên dụng cho buồng tiêm, kim cùn 18G hoặc 16G, kim 20G gấp 90 độ, kim 20G đầu cong, kim dẫn đường 18G, 2 dây dẫn đầu J 0.035" dài 50cm hoặc 70cm, 2 bơm tiêm 12ml, dụng cụ tạo đường hầm, cây chọc mạch (vein pick), 3 nút chặn kim an toàn Point-Lok * Đạt chứng nhận hợp chuẩn Hoa Kỳ	2404543ĐKLH/B YT-HTTB	21-4068-24; 21-4069-24	01 Bộ/Hộp	Smiths Healthcare Manufacturing S.A. de C.V./Mexico	Bộ	8.190.000

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
7	Buồng tiêm dưới da áp lực cao người lớn (8.5Fr), trẻ em (6Fr) P.A.C II Power Low Profile	Buồng tiêm dưới da gồm 13 phụ kiện, có áp lực cao 300 psi, tốc độ dòng chảy 5ml/giây. Thiết kế có co nối Ultra-Lock tích hợp vào đầu ra của buồng tiêm (co nối gắn sẵn trên buồng tiêm, tránh rớt co nối trong khi đặt, giúp cố định catheter chắc chắn) * Buồng tiêm chất liệu Titanium kết hợp vỏ ngoài Polysulfone, trọng lượng nhẹ 4.8g, màng ngăn silicone, kích thước buồng: rộng (25mm) x cao (11.5mm), dung tích: 0,3ml * Catheter Polyurethane, 5.8Fr (ID=1.0mm; OD=1.9mm, thể tích mỗi 0.7ml) hoặc 7.8Fr (ID=1.6mm; OD=2.6mm; thể tích mỗi 1.5ml). Chiều dài 76cm * Các Phụ kiện khác: Máng đặt ống thông 6Fr hoặc 8.5Fr, Kim an toàn Gripper Plus Power 20G chuyên dụng cho buồng tiêm, kim cùn 18G hoặc 16G, kim 20G gấp 90 độ, kim 20G đầu cong, kim dẫn đường 18G, 2 dây dẫn đầu J 0.035" dài 50cm hoặc 70cm, 2 bơm tiêm 12ml, dụng cụ tạo đường hầm, cây chọc mạch (vein pick), 3 nút chặn kim an toàn Point-Lok * Đạt chứng nhận hợp chuẩn Hoa Kỳ	2404543DKLH/BYT-HTTB	21-4471-24 21-4483-24	01 Bộ/Hộp	Smiths Healthcare Manufacturing S.A. de C.V./Mexico	Bộ	9.450.000
Tổng số: 07 mặt hàng								
6	Công ty Cổ phần thương mại dịch vụ IPS							
1	Kim sinh thiết mô mềm Magnum	Kim sinh thiết tự động. Làm từ thép không gỉ 304, polycarbonate, Mobay Makrolon 2508 hoặc Makrolon 2558, Polyethylene trọng lượng nhẹ (LDPE) Dow #6401, Polypropylene Homopolymer H20Z-00. Đường kính: 12G, 14G, 16G, 18G, 20G. Chiều dài: 10cm, 13cm, 16cm, 20cm, 25cm, 30cm. Chiều dài mô cắt mẫu 19mm. Độ sâu thâm nhập 15mm hoặc 22mm có thể điều chỉnh. Có thể bơm thuốc tê qua đầu kim.	220003789/PCB B-HCM	MN1210; MN1213; MN1216; MN1220; MN1410; MN1413; MN1416; MN1420; MN1610; MN1613; MN1616; MN1620; MN1810; MN1813; MN1816; MN1820; MN1825; MN1830; MN2010; MN2013; MN2016	10 cái/hộp	Bard Reynosa S.A. de C.V. - Mexico / CareFusion D.R. 203 Ltd - Dominican Republic	Cái	720.000
Tổng số: 01 mặt hàng								
7	Công ty cổ phần trang thiết bị y tế Đại Dương							

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SĐK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	HS General Purpose	- Chiều dài: Từ 25cm đến 30 cm; - Đường kính: Từ 6Fr đến 16Fr (6F, 7F, 8F, 10F, 12F, 14F, 16F); - Khả năng tương thích dây dẫn: 0.035 "; - Dẫn lưu làm bằng chất liệu polyurethanen - Phần xoắn dạng đuôi lợn với lỗ thông lớn - Hệ thống ma sát thấp, chống xoắn, tương thích sinh học cao, đàn hồi tốt - Hệ thống locking - Trọn bộ bao gồm: kim chọc sắc nhọn đầu hình tam giác, và dụng cụ làm thẳng ống dẫn lưu, ống dẫn lưu phù Hydrophilic và khoá – locking	220001639/PCB B-HN	HSGPLxxxx	1 Cái/ Túi	HS Hospital Service S.p.A/ Ý	Cái	1.575.000
Tổng số: 01 mặt hàng								
8	Công ty CP Vật tư và Thiết bị Y tế Hà Nội							
1	Băng gạc vô trùng không thấm nước/ Eleban Wide DX	Elanban Wide DX/ No 50; 5cm x 8cm(2cm x 4cm); 3155001	238/190000021/P CBPL/BYT		Hộp/ 50 miếng	Hakuzo Medical Corporation/ Nhật Bản	Miếng	22.000
2	Băng gạc vô trùng không thấm nước/ Eleban Wide DX	No120. 12cm x 26cm (6cm x 20cm) - 3155006	238/190000021/P CBPL/BYT		Hộp/ 20 miếng	Hakuzo Medical Corporation/ Nhật Bản	Miếng	120.000
Tổng số: 02 mặt hàng								
9	Công ty TNHH Thiết Bị và Công nghệ Tân Đại Thành							
1	Ống mở khí quản 2 nòng Rota-Trach có bóng, có cửa sổ	- Đầu nối có thể xoay tự do theo mọi góc, giảm sự khó chịu cho bệnh nhân bằng cách hấp thụ áp lực của các chuyển động trong khi sử dụng. - Thiết kế ống nòng trong tháo lắp dễ dàng bằng khoá cài dạng bóp. - Ống được làm bằng nhựa polyurethane (PU), có chất cản quang để giúp phát hiện khi chụp X-Quang. - Bóng chèn được làm bằng PU - Sử dụng được trong khi chụp MRI - Thân ống và hai ống thay có cửa sổ để bệnh nhân tập nói - Có thể lưu 29 ngày. - Số 5.0 (ID=5.0 mm, OD=8.6mm, đường kính bóng=16mm), Số 6.0 (ID=6.0 mm, OD=9.2mm, đường kính bóng=20mm), Số 7.0 (ID=7.0 mm, OD=10.6mm, đường kính bóng=23mm), số 8.0 (ID=8.0 mm, OD=11.7mm, đường kính bóng=26mm). - Độ dày bóng cuff: size 5 0,05mm, size 6,7,8,9,10 0,03mm. - Ống mở khí quản cong 90 độ. - Bộ bao gồm: Ống mở khí quản (van bơm hơi một chiều), 2 nòng thay thế, dây đai đeo cổ 2 mảnh mềm mại, miếng chêm, nắp ống. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485/CE	220000505/PCB B-HN	5510500 5510600 5510700 5510800	Cái/ hộp	Vitaltec Corporation/ Đài Loan	Cái	1.200.000

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
2	Bơm truyền dịch tự động COOPDECH không PCA (dùng một lần)	- Bơm truyền dịch được làm bằng vật liệu nhựa không Latex - Thể tích 200/300ml - Có khóa điều chỉnh 3 tốc độ: 2.0/3.0/5.0 ml/giờ; 3.0/5.0/8.0 ml/giờ, - Cổng bơm thuốc vào là loại van hai chiều, tạo điều kiện cho việc bổ sung hoặc hút ra dịch truyền. - Lọc khí: kích thước 0,2 µm, không chỉ loại bỏ hết không khí ra ngoài mà còn cả bọt khí và các hạt nhỏ xuất hiện trong dung dịch thuốc với sự gia tăng nhiệt độ. - Có cân để đo được lượng thuốc trong bơm. - Phụ kiện gồm: Bơm chính, nhãn mác để ghi thông tin, túi đựng bơm kèm cân - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485 - Tiết trùng bằng khí EO	230002531/PCB B-HN	CIA30-3050-EU; CIA20-2030-EU	Cái/ túi	Daiken Medical / Nhật Bản	Cái	590.000
3	Bơm truyền dịch tự động COOPDECH có PCA (dùng một lần)	- Bơm truyền dịch được làm bằng vật liệu nhựa không Latex - Tốc độ nền (basal): 1.0 ml/giờ và 3.0 ml/giờ - Thể tích 120/300ml - Thể tích Bơm PCA: 1ml với thời gian bolus 10 phút/lần; 3ml với thời gian bolus: 30 phút/lần. - Cổng nạp thuốc là van 1 chiều, ngăn chặn việc lấy ra dung dịch thuốc, ngay cả khi dùng một đầu kim đưa vào, phù hợp khi sử dụng với nhóm chất gây nghiện, cổng nạp có thiết kế tách biệt với đường dây truyền dịch - Bơm 120ml có vạch chia 5ml, cấu tạo dạng xi-lanh, có khoang áp lực âm để đẩy dung dịch thuốc ra ngoài với tốc độ ổn định. - Lọc khí: Có 2 lọc khí 0,2 µm không chỉ loại bỏ hết không khí ra ngoài mà còn cả bọt khí và các hạt nhỏ xuất hiện trong dung dịch thuốc với sự gia tăng nhiệt độ. - Phụ kiện gồm: Bơm chính, bơm PCA, nhãn mác để ghi thông tin, túi đựng bơm. - Sản phẩm đạt tiêu chuẩn ISO 13485.	230002531/PCB B-HN 220002440/PCB B-HN	CIE30-30-IP3-E3030-EU; ISJ12-E10-IP1-E1012-EU;	Bộ/ túi	Daiken Medical / Nhật Bản	Bộ	870.000
Tổng số: 03 mặt hàng								
10	Công ty CP Thiết bị vật tư y tế Thanh Hoá							
1	Ống dẫn lưu màng phổi có trocar các cỡ 08FG-36FG	- Dẫn lưu màng phổi kèm troca. - Tối thiểu có các số: 08, 10, 12, 14, 16, 20, 24, 28, 32, 36	240000167/PCB B-HCM	SMD-1001	Cái/ gói	Sterimed Surgicals India Pvt. Ltd/ Ấn Độ	Cái	125.790
2	Dụng cụ mở đường vào mạch máu	Bộ dụng cụ mở đường quay bao gồm: vỏ, que nong, dây dẫn đường, và kim chọc mạch. - Vỏ được thiết kế độ cân quan tốt đồng thời giúp tăng lực đẩy cũng như độ trơn mượt trong mạch máu. Có van cầm máu an toàn. - Các cỡ 5F, 6F dài 7cm; 11cm và 16cm, mỗi size được thiết kế màu sắc khác nhau. - Chiều dài que nong: 110mm, 169mm; riêng cỡ 6F có thêm chiều dài 560mm - Dây dẫn đường làm bằng thép không rỉ, đường kính 0.021" dài 45cm, - Kim chọc mạch cỡ 21G x 4cm		IS9012, IS9013, IS9016, IS9017	01 cái/túi	Ares Medikal San. Tic. Ltd. Sứ/ Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	394.800

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
3	Bộ dụng cụ mở đường	Bao gồm các thành phần sau : . Kim catheter chọc mạch cỡ 18G . Guide wire nhỏ cỡ 0.035" x 45cm . Bơm tiêm 2.5ml . Introducer Sheath . Delator Đặc điểm, Hình dạng : . Sheath ôm khít Delator, mỏng . Guide wire dài 0.035" dài 45cm để dẫn đường cho Delator và- Sheath . Van cầm máu hình chữ thập. Kích thước: Cỡ, 5F, 6F, 7F, 8F dài 10cm Vật liệu : Sheath được phủ lớp ái nước		IS9000, IS9001, IS9002, IS9003, IS9004, IS9005	01 cái/túi	Ares Medikal San. Tic. Ltd. Sti/ Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	394.800
4	Sonde JJ Plasti-med các cỡ	Ống thông (sonde) niệu quản JJ bằng polyurethane. Được chia vạch cm và đánh dấu, cân quang, đầu mờ. Chiều dài 26cm. Các cỡ stent gồm 4.8/6/7/8Fr. Kèm dụng cụ dẫn đường (introducer) bằng polyurethane trong suốt dài 45cm. Tiệt trùng, sử dụng 1 lần. Không chứa latex. Sản phẩm đạt chứng nhận ISO13485, EC. Lưu 12 tháng	2300000181/PCB B-HCM	500 xxx	01 cái/túi	Plasti-med Plastik Medikal Ürünler Sanayi ve Ticaret Limited Şirket/Thổ Nhĩ Kỳ	Cái	251.000
5	Băng keo lụa cao cấp RITASILK 2,5cm x 9,14m	Kích thước 2,5cm x 9,1m; Kích thước 5cm x 9,1m - Băng có cấu tạo nền vải lụa : 50 - 70%, Phủ lớp keo Acrylate (30- 50%), Polyme: < 1%, không chứa mù cao su, độ dính tốt, ít gây dị ứng và không sót keo khi tháo băng ra. - Có thể được xé theo 2 chiều một cách dễ dàng và thuận tiện - Bền chắc, thông thoáng cho da, chống thấm nước.	220000000/PCBA- DL	RT25091	01 cuộn/túi	Công ty TNHH Dược phẩm Quốc Tế/ Việt Nam	Cuộn	15.840
6	Gạc phẫu thuật 10cm x 10cm x 6 lớp vô trùng (M2)	Gạc được dệt từ sợi 100% cotton có độ thấm hút rất cao. Không có độc tố, đã được giặt sạch. Không chứa chất gây dị ứng, không có tinh bột hoặc Dextrin, không có xơ mùn hòa tan trong nước và dịch phủ tạng. Tốc độ hút nước =< 5 giây. Độ ngậm nước >=5gr nước/1gr gạc. Chất tan trong nước <0.5%. Độ pH: trung tính. Độ trắng: >=80% +/- 10%. Muối kim loại: không quá hàm lượng cho phép. Hàm lượng chất béo: không vượt quá 0,5%. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Được đóng gói bằng 2 lớp, một lớp bằng PE, một lớp bằng bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Kích thước: 10cm x 10cm x 6 lớp vô trùng Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; Chứng nhận đăng ký FDA Hoa Kỳ; CE, GMP, QCVN 01:2017/BCT.	2200000004/PCB B-NĐ	GPTVT4	01 miếng/túi	Công ty TNHH đầu tư và thương mại An Lành/ Việt Nam	Miếng	352

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VND)
7	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 50ml	"- Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 50ml. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Bơm tiêm: Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về bơm tiêm dùng 1 lần (TCVN 5903:1995) - Kim tiêm: Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về kim tiêm (ISO 7864:2016 tương đương TCVN 13404-2:2021)	220000012/PCB B-NB	BTK50: ECO	01 cái/túi	MPV/Việt Nam	Cái	2.647
8	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 5ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 5ml. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Bơm tiêm: Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về bơm tiêm dùng 1 lần (TCVN 5903:1995) - Kim tiêm: Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về kim tiêm (ISO 7864:2016 tương đương TCVN 13404-2:2021)	220000012/PCB B-NB	BTK5: ECO	01 cái/túi	MPV/Việt Nam	Cái	489
9	Bơm tiêm ECO sử dụng một lần 10ml	- Bơm tiêm nhựa liền kim, dung tích 10ml. Được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pit tông có khóa bẻ gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Bao bì ghi rõ thông tin xuất xứ, hạn dùng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Bơm tiêm: Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về bơm tiêm dùng 1 lần (TCVN 5903:1995) - Kim tiêm: Thông số kỹ thuật đáp ứng theo tiêu chuẩn Việt Nam về kim tiêm (ISO 7864:2016 tương đương TCVN 13404-2:2021)	220000012/PCB B-NB	BTK10: ECO	01 cái/túi	MPV/Việt Nam	Cái	709

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
10	Bơm tiêm vô trùng dùng một lần 20ml	Bơm tiêm 20ml kèm kim các cỡ Làm từ nhựa PP phẩm cấp y tế, không DEHP, không độc, không gây sốt, không latex. Vạch chia dung tích in rõ nét. Kim tiêm: làm bằng thép không gỉ. Đầu kim vát 3 cạnh, sắc nhọn. Đốc kim có màu phân biệt cỡ kim. Tiệt trùng bằng EO. Đóng gói bao bì Blister Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, ISO 7886-1 tương đương TCVN 5903:1995, ISO 7864:1993 (E) và ISO 11607:2006 (E)	220000012/PCB B-NB	BTK20: ECO	01 cái/túi	Công ty TNHH Công nghệ Meditec/Việt Nam	Cái	1.228
11	Kim luồn tĩnh mạch có cánh, có cổng bơm thuốc	Kim luồn tĩnh mạch có cánh có cửa bơm thuốc . - Kim làm bằng thép không gỉ Đóng gói vô trùng	230002081/PCB B-HN	Wellcath Plus	01 cái/túi	Wellmed International Industries Pvt.Ltd/ Ấn Độ	Cái	1.918
12	Quả dẫn lưu dịch áp lực âm	Bình áp lực 3 lò xo dung tích 200 ml, dây PVC, kết nối chữ Y, dây dẫn lưu và trocar 10 Fr. Bình áp lực 3 lò xo dung tích 400 ml, dây PVC, kết nối chữ Y, dây dẫn lưu và trocar 14 Fr. - Bình áp lực 3 lò xo được thiết kế chống xẹp tối thiểu. Sản phẩm được đóng gói đảm bảo vô khuẩn khi dùng trong phòng mổ.	180000629/PCB A-HN	B-20010; B-40014	1 quả/ túi	Conod Medical Co., Ltd/ Trung Quốc	Quả	94.500
13	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide DAMALON 2/0	Chỉ không tiêu tổng hợp đơn sợi liên kim số 2/0 chất liệu Polyamide , lớp bao phủ bằng silicon. Kim làm bằng thép không gỉ, được phủ silicon. Chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tam giác 3/8, dài 26 mm. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DN2K26	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	18.900
14	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide DAMALON 4/0	Chỉ không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 4/0 dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 19mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DN4K20	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	18.900
15	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide DAMALON 5/0	Chỉ không tan tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 5/0 dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8 vòng tròn dài 16mm, kim phủ silicone	19057NK/BYT-TB-CT	DN5K16	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	18.900
16	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide DAMALON 6/0	Chỉ không tiêu liên kim tổng hợp đơn sợi cấu tạo Polyamind 6 số 6/0 dài ≥ 75cm. Kim tam giác 3/8, dài 12mm, kim làm từ thép không gỉ được phủ silicon. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DN6K13	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	18.900

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
17	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene DAMALENE 3/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 3-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	19057NK/BYT-TB-CT	DE3M26-D-90	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	52.500
18	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene DAMALENE 4/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 4-0, dài 90cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 22mm và 17mm kim cong 1/2 và kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	19057NK/BYT-TB-CT	DE4M20-D-90	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	52.500
19	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene DAMALENE 5/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 5-0, dài 90cm, 75cm, 2 kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm và 13mm, kim cong 1/2 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	19057NK/BYT-TB-CT	DE5M17-D	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	52.500
20	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp polypropylene DAMALENE 6/0	Chỉ không tan, tổng hợp, đơn sợi, chất liệu Polypropylene và Polyethylenglycol, Chỉ được nhuộm màu bằng Đồng Phthalocyanine. Sợi chỉ số 6-0, dài 75cm, 2 kim kim tròn, đầu nhọn, dài 13mm, kim cong 3/8 vòng tròn, loại kim được làm từ hợp kim bao gồm Chrome, Nickel, Cu, Ti và Molybdenum độ đàn hồi cao, được sơn phủ giúp kim sắc bén.	19057NK/BYT-TB-CT	DE6M13	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	52.500
21	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 DAMACRYL 910 số 1/0	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi liên kim số 1 dài ≥ 90 cm, kim tròn 40mm, 1/2C, kim được phủ silicon và thép không gỉ. Chất liệu Polyglycolic acid được bao phủ Polycaprolactone and Calcium Stearate. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DL1M40-90	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	35.700
22	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 DAMACRYL 910 số 2/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 2/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 26mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DL2M26	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	35.700
23	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 DAMACRYL 910 số 3/0	Chỉ tiêu tổng hợp liên kim đa sợi Polyglactin 910 được bao phủ bởi polyglactin và calcium stearate, số 3/0, dài ≥ 75 cm. Kim làm bằng thép không gỉ, kim tròn 26mm, kim 1/2. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DL3M26	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	35.700
24	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 DAMACRYL 910 số 4/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 4/0, dài ≥ 75 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 17mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ để tránh cùn kim. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DL4M20	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	35.700

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SĐK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
25	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 DAMACRYL 910 số 5/0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi bền cấu tạo Polyglactin 910 (90% Polyglycolic acid+ 10% Polylactic acid) số 5/0 dài ≥ 70 cm, vỏ bọc sợi chỉ Poly + calcium stearate. Kim bằng thép không gỉ, phủ silicon, kim tròn 1/2 vòng tròn dài 17 mm.	19057NK/BYT-TB-CT	DL5M16	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	35.700
26	Chỉ tiêu tổng hợp đa sợi Polyglactin 910 DAMACRYL 910 số 6/0	Chỉ tiêu trung bình đa sợi thành phần cấu tạo từ Glycolide/lactide copolymer, bao phủ bằng hỗn hợp Caprolacton/glycolide copolymer và calcium stearoyl lactylate. Sợi chỉ số 6/0, dài ≥ 45 cm, kim tròn, đầu nhọn, dài 12mm, độ cong kim 1/2 vòng tròn, được bao phủ bằng silicone sắc bén. Đóng gói vô trùng	19057NK/BYT-TB-CT	DL6M13	12 sợi/hộp	GMD Group Medikal Sanayi Ve Ticaret anonim Sirketi/ Thổ Nhĩ Kỳ	Sợi	35.700
27	Bộ gây tê ngoài màng cứng Minipack system 18G	Bộ gây tê ngoài màng cứng đầy đủ phụ kiện bao gồm 1. Kim 18G có cánh cầm 2. Bơm tiêm kháng lực 10ml, không latex. 3. Catheter 4. Đầu nối catheter dạng nắp bật, phẳng, đóng dứt khoát. 5. Bộ lọc ngoài màng cứng, màng lọc hydrophilic 0.2 μ m, sử dụng 96h. 6. Dụng cụ kết nối dẫn đường catheter vào kim. * Tiệt trùng EO, không latex.	0068-TT/170000132/P CBPL_BYT	100/380/018	01 cái/gói	Smiths Medical/ CH Séc	Cái	312.900
28	Bao cao su VRT Excellent hộp 114 cái	Tiêu chuẩn cơ bản: Mùi: Không mùi Màu sắc và độ trong: Trong mờ và không màu + Size 49: Chiều dài: ≥ 170 mm. Chiều rộng: 49 mm $\pm$ 2 mm + Size 52: Chiều dài: ≥ 170 mm. Chiều rộng: 52 mm $\pm$ 2 mm Độ dày: 0,065 mm $\pm$ 0,015 mm Thể tích và áp suất nổ: Trước lão hóa: - Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50 mm - Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50 mm đến 56 mm - Áp suất nổ: ≥ 1.0 kPa - Thể tích nổ: ≥ 16 lít, đối với bao cao su có chiều rộng nhỏ hơn 50 mm - Thể tích nổ: ≥ 18 lít, đối với bao cao su có chiều rộng từ 50 mm đến 56 mm - Áp suất nổ: ≥ 1.0 kPa Tiêu chuẩn cao: Ngoài tiêu chuẩn cơ bản, phải đạt: - Chất bôi trơn Bao cao su được bôi trơn với dung dịch silicone có độ nhớt từ 200 đến 350 CS	2100369ĐKLH/BYT-TB-CT	S49-S52	10 cái/hộp	Công ty TNHH công nghệ Cao su Việt Nam/Việt Nam	Cái	850
Tổng số: 28 mặt hàng								
11	Công ty TNHH Y tế ATC							

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
1	Kim sinh thiết vú cỡ 9G	- Có hỗ trợ lực hút chân không - Kích cỡ đầu kim: 9G; - Khối lượng: 204g; - Kích thước tay kim: dài 26.83 cm, rộng 4.22 cm; - Chiều dài kim 12cm; - Đường kính ống ngoài: 4mm; - Đường kính ống trong: 3 mm; - Độ mở cửa lỗ cắt: 12mm, 20mm - Thời gian cắt: 4.5 giây - Có van chữ Y	220001250/PCB B-BYT	ATEC 0912-12; ATEC 0912-20	5 Cái / Hộp	Hologic Surgical Products Costa Rica, S.R.L./Costa Rica	Cái	7.900.000
2	Kim sinh thiết dạ dày, đại tràng	Kim sinh thiết đa dạng về chủng loại, có vỏ bọc. Tay cầm 3 ring bằng nhựa Ergonomic, có vỏ bọc chất liệu cao su khiến tay cầm linh hoạt, dễ điều khiển. Chiều dài làm việc 1.8m, 2.3m. Đường kính 2.3mm, Độ mở ngàm 6.7mm, không răng. Chiều dài ngàm 2.9mm. Khớp nối đầu kim dạng kéo linh hoạt. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.	230002494/PCB B-HN	NBFxx-xxxxxxx	10 cái/ hộp	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	147.000
3	Clip cầm máu dùng trong nội soi	- Clip cầm máu dùng một lần có đường kính mở 16mm. Sau khi bắn ra, clip có độ dài stem tương ứng là 13.3mm. Clip xoay 2 chiều 360 độ (cán màu xanh, vàng) với độ mở 135 độ; - Chiều dài các cỡ 1950mm, 2300mm. - Đường kính ngoài của ống tube tối đa 2.6mm. Kênh làm việc tối thiểu 2.8mm. - Đóng mở được nhiều lần - Tay cầm chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene - Chụp được dưới cộng hưởng từ. Tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận lưu hành tại một nước tham chiếu	220000112/PCB B-HN	ROCC-x-26-xxx- C-S	10 cái/ hộp	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	500.000
4	Dụng cụ cắt polyp dùng một lần	Dụng cụ thắt polyp, tiết trùng, tích hợp tay cầm, giúp ngăn ngừa chảy máu trước khi cắt polyp, độ mở loop 15-40mm, chiều dài làm việc 1650- 2300mm.	220000334/PCB B-HN	Loop-xxB0-LD- xxxD0	1 cái/ hộp	Leo Medical Co., Ltd / Trung Quốc	Cái	1.800.000
5	Lọng cắt polyp ống tiêu hóa	Thông lọng nóng tay cầm thiết kế 3 ring có thể xoay ở đầu tay cầm điều khiển lọng. Dây lọng có loại cứng, loại mềm, có dạng hình oval, hình kết hợp và loại có thể mở 3 kích thước trong 1 thông lọng. Dây lọng thiết kế dạng bên có kích thước 0.23mm. Chiều dài làm việc 230cm. Độ mở loop 10, 15, 20, 24, 36mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, có chứng nhận lưu hành tại 1 nước tham chiếu.	250000079/PCB B-HN	PFS01-xxxxx230/ PFS02-xxxxx230	10 cái/ hộp	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	500.000
6	Ngáng miệng	Ngáng miệng có 2 loại: tiêu chuẩn dành cho người lớn và loại dành cho trẻ em, ngáng miệng được làm từ chất liệu nhựa, màu xanh, dây đeo không chứa latex. Kích cỡ bên trong: 21mm x 26mm hoặc 13mm x 20mm. Được đóng gói hộp 100 cái. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA	190001734/PCB A-HN	AC01-103.x	100 cái/ hộp	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	22.000

STT	Tên vật tư y tế	Thông số kỹ thuật	SDK hoặc GPNK	Mã hiệu	Quy cách đóng gói	Cơ sở sản xuất - Nước sản xuất	Đơn vị tính	Đơn giá (VNĐ)
7	Kim chích cầm máu qua nội soi	Kim tiêm cầm máu có tay cầm bằng nhựa nguyên sinh có chốt hãm dạng nút bấm, có thể khóa mở bằng một tay. Đường kính kim 22G, 25G. Đầu kim vát 3 cạnh tăng độ chính xác khi tiêm và không làm dẫn tĩnh mạch hoặc xuất huyết khi rút kim. Độ nhô tip 4mm, 5mm, 6mm được làm bằng kim loại. Chất liệu ống trong catheter làm bằng PA. Đường kính ống catheter 2.3mm, Chiều dài làm việc: 180cm, 230cm. Kênh làm việc 2.8mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, FDA.	220000109/PCB B-HN	IN12-xxxxxxxxx	10 cái/ hộp	Micro-Tech (Nanjing) Co., Ltd/ Trung Quốc	Cái	430.000
Tổng số: 07 mặt hàng								